ỦY BAN NHÂN DÂN
Thành phố Hải phòng

Số: 970 /QĐ-UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Hải phòng, ngày 5 tháng 9 năm 1992

## UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

-Căn cứ quyết định số 45 HĐBT ngày 24 tháng 4 năm 1989 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thu một phần viện phí .

-Căn cứ quyết định số 137 HĐBT ngày 27 tháng 4 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng và thông tư hướng dẫn số 03 ngày 1 tháng 7 năm 1992 của Ủy ban Vật giá nhà nước về quản lý giá .

-Xét phương án số 65 của bệnh viện Phụ sản về việc thu một phần viện phí và dịch vụ y tế .

-Theo đề nghị của Sở y tế, Sở tài chính và ý kiến của Liên đoàn lao động thành phố .

## QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay quy định mức thu viện phí và dịch vụ y tế của bệnh viện Phụ sản: (Có bảng giá cụ thể kèm theo ).

Điều 2: Đối tượng thu hoặc miễn giảm viện phí này thi hành theo điều 3 tại quyết định 45 Hội đồng Bộ trưởng .

-Việc quản lý và sử dụng viện phí thực hiện theo điều 5 ghi trong quyết định 45 HĐBT và pháp lệnh thống kê -Kế toán nhà nước đã ban hành .

-Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký .

Điều 3: Các ông, bà Chánh văn phòng UBND thành phố, giám đốc Sở y tế, Sở tài chính và bệnh viện Phụ sản chịu trách nhiệm thi hành quyết định này .

Nơi nhận:
-T.Trực T.U ( Để
-T.Trực UBND-TP (báo cáo.
-PCT.UBND-TP
-Sở Y tế
-Sở tài chính
-BV.Phụ sản
-LĐLĐ-TP
-Đài, báo -HP
-Lưu: VP, TCTH, VX/UBND.

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

PHÓ CHỦ TỊCH

ĐỖ GIA PHÁCH

# BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỊCH VỤ Y TẾ

| STT | Loại dịch vụ Y tế | Giá đang thu | Giá hạch toán | Giá đề nghị thu | So sánh giá thu với giá hạch toán | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | |
| 1 | Khám bệnh | 3.000đ | 4.896 đ | 4.000đ | 81% | Có các xét nghiệm thông thường cùng với khám bệnh. |
| 2 | Khám chữa vô sinh 1 đợt 6 tháng | 25.000đ | 75.040 đ | 45.000đ | 60% | |
| 3 | Làm thuốc đặt thuốc âm đạo tại phòng khám. | 1.000đ | 3.402 đ | 1.500đ | 44% | |
| 4 | Đốt điện cổ tử cung | 5.000đ | 11.512 đ | 10.000đ | 86% | |
| 5 | Hút điều hòa kinh nguyệt và nạo thainhỏ | 7.000đ | 22.941 đ | 15.000đ | 65% | - Làm tại phòng nạo, hút yêu cầu. |
| 6 | Nạo thai 3 - 4 tháng | 40.000đ | 54.941 đ | 40.000đ | 72% | |
| 7 | Phá thai Kôvak ( thai 5 - 6 tháng ) | 150.000đ | 204.686 đ | 200.000đ | 97% | - Với các BN hoang thai tệ nạn xã hội. |
| | | | | 75.000đ | 36% | - Với các BN vỡ Kế H... |
| 8 | Đỡ đẻ thường | 20.000đ | 45.976đ | 35.000đ | 76% | |
| 9 | Đỡ đẻ khó | 25.000đ | 56.476đ | 45.000đ | 79% | |
| 10 | Phẫu thuật loại I | 90.000đ | 249.080đ | 150.000đ | 60% | |
| 11 | Phẫu thuật loại II | 55.000đ | 223.380 | 100.000đ | 44% | |
| 12 | Phẫu thuật loại III | 30.000đ | 83.426đ | 50.000đ | 60% | |
| 13 | Các thủ thuật xếp loại IV | 20.000đ | 45.976đ | 35.000đ | 76% | |
| 14 | Một ngày giường phục vụ hậu sản theo yêu cầu. | 7.000đ | 25.117đ | 10.000đ | 39% | |
| 15 | Một ngày giường phục vụ hậu phẫu theo yêu cầu. | 9.000 | 27.137đ | 12.000đ | 44% | |
| 16 | Một ngày giường điều trị chung không theo yêu cầu. | 1.500đ | 10.739 | 3.000đ | 27% | |

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 17 | Một ngày giường điều trị hậu phẫu | 2.500đ | 12.759 | 5.000đ | 39% | |
| | không theo yêu cầu. | | | | | |
| 18 | Tiền một lần lý liệu pháp | | 3.555đ | 2.000đ | 56% | |
| 19 | Tiền chụp điện quang | | | | | |
| | - Phim 30 - 40 cm ( 1 phim ) | 20.000đ | 26.861đ | 25.000đ | 93% | |
| | - Phim 13 - 18 cm ( 2 phim ) | 18.000đ | 23.861đ | 20.000đ | 83% | Kể cả thuốc cản quang. |
| 20 | Các xét nghiệm Cận lâm sàng : | | | | | |
| | - Xét nghiệm thông thường : Công thức máu, máu chảy, máu đông, máu lắng, Prôtein niệu, Hồng cầu bạch, cầu niệu, trụ niệu, cặn Addic . | | 1.166đ | 500đ | 42,8% | |
| | - Xét nghiệm tế bào | | 2.752đ | 1.000đ | 36,3% | |
| | - Xét nghiệm sinh hóa | | 2.388đ | 1.000đ | 41,8% | |
| | - Xét nghiệm vi sinh vật | | 2.317đ | 1.000đ | 43,15% | |
| | - Xét nghiệm di truyền | | 7.410 | 3.000đ | 40.40% | |
| | - Xét nghiệm Giải phẫu bệnh lý | | 4.888 | 2.500 | 51,1% | |
| | | | 1.405.999đ | 891.500đ | 63,4 % | |
| 21 | Các thăm dò chức năng : | | | | | |
| - | - Điện tim / 1 lần cả giấy chi | 2.000đ | | 2.000đ | | |
| | - Nghe tim thai bằng máy Doplleđ/ 1 lần | 2.000đ | | 2.000đ | | |
| | - Theo dõi thai bằng máy Monitoring/ 1 lần cả giấy chi. | 2.000đ | | 4.000đ | | |
| | - Siêu âm | | | 10.000đ | | |
| | + Không chụp ảnh | | | 15.000đ | | |
| | + Có chụp 1 ảnh | | | 20.000đ | | |
| | + Có chụp 2 ảnh | | | | | |

VOI BIEU GIA TREN TAM TINH MOT SO DOI TUONG BENH DEN KHAM VA DIEU TRI

| STT | Đối tượng bệnh nhân | Loại dịch vụ Y tế | Giá hạch toán | Giá đề nghị thu | So sánh giá đề nghị thu với giá hạch toán | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | |
| 1 | Bệnh nhân vào đẻ nằm viện 7 - 8 ngày<br>( Chờ đẻ 1 đến 2 ngày, sau đẻ 5 - 6 ngày) | - Tiền đỡ đẻ<br>- Tiền giường<br>- Tiền thuốc<br>- Tiền Xét Nghiệm | 45.976đ<br>53.695đ<br>10.000đ<br>15.844đ | 35.000đ<br>15.000đ<br>10.000đ<br>6.000đ | | |
| | | | 125.515đ | 66.000đ | 52,5% | |
| 2 | Bệnh nhân mổ đẻ, mổ chửa ngoài tử cung mổ U buồng trứng, U xơ vú ... ( Phẫu thuật II"), thời gian điều trị 10 - 12 ngày ( chờ chuẩn bị trước mổ 2 - 3 ngày sau mổ 8 - 10 ngày ). | - Tiền mổ<br>- Tiền giường<br>- Tiền X.nghiệm<br>- Tiền thuốc | 223.380đ<br>75.113đ<br>15.844<br>20.000đ | 100.000đ<br>35.000đ<br>6.000đ<br>10.000đ | | |
| | | | 324.337 đ | 161.000 đ | 49,6% | |
| 3 | Bệnh nhân mổ U xơ tử cung ( Cắt tử cung bán phần, cắt tử cung hoàn toàn ). Mổ U buồng trứng dính. Mổ ung thư buồng trứng Ung thư cổ tử cung, Ung thư thân tử cung Ung thư vú. Mổ tạo hình tầng sinh môn, âm đạo, vòi trứng, Mổ sa sinh dục ... ( Phẫu thuật loại I ). Thời gian điều trị 13 - 15 ngày ( chờ chuẩn bị trước mổ 3 - 4 ngày, sau mổ 10 - 12 ngày ). | - Tiền mổ<br>- Tiền giường<br>- Tiền xét<br>- Tiền thuốc | 249.080 đ<br>89.813 đ<br>15.844 đ<br>30.000 đ | 150.000 đ<br>35.000 đ<br>6.000 đ<br>30.000 đ | | |
| | | | 384.237 đ | 221.000đ | 57,5% | |
| 4 | Khám bệnh : | | | | | |

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Khám phụ khoa ( gồm cả khám lâm sàng và xét nghiệm ).<br>- Khám cấp cứu | Không thu tiền | 4.896đ | 4.000đ | 81% | Trong trực tiếp trong 24 giờ. |
| 5 | Điều trị ngoại trú :<br>- Làm thuốc đặt thuốc âm đạo tại phòng khám.<br>- Đốt điện cổ tử cung ( Khám kiểm tra sau 2 tuần ).<br>- Chạy điện sóng ngắn, chiếu tia hồng ngoại. | | 3.402đ<br>11.512 đ<br>3.555đ | 1.500đ<br>10.000đ<br>2.000đ | 44%<br>86%<br>56% | |

Vậy bệnh viện đề nghị UBND Thành phố, các ban ngành chức năng của Thành phố nết mức thu một phần viện phí đã khảo sát, để bệnh viện có thêm kinh phí phục vụ và nâng cao sức khỏe cho chị em phụ nữ Thành phố ./-

ý kiến của
LĐLĐ THÀNH PHỐ

ý kiến của
[illegible]

ý kiến của
Y TẾ

GIÁM ĐỐC BV PHỤ SẢN

- Đề nghị UBND TP cho điều kiện để bệnh viện thực hiện QĐ 45 và Thông tư liên tịch hướng dẫn thu đối với đối tượng có yêu cầu
- Người thu nộp, nộp có hóa đơn thu nộp rõ ràng công khai cho người nộp biết.

TM Ban Thường vụ LĐLĐ TP.

PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Xuân Đóa

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Duy Cuộc

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Lâm

GIÁM ĐỐC
BS. Hoàng Thế Cường